

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09-02-2021

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung D - O

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lưu Quốc D**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 42/29, N, phường Z, quận B, thành phố H.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Lan O**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ dân phố H1, thị trấn D1, huyện T1, tỉnh T.

(Anh D và chị O đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2020 và tại bản tự khai ngày 15/01/2021, nguyên đơn anh Lưu Quốc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị O tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12/12/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Z, quận B, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về sinh hoạt và khác biệt quá lớn về cách sống nên không cùng suy nghĩ với nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2014 đến nay và chị O đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở tổ dân phố H1, thị trấn D1, huyện T1, tỉnh T sống từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện T1 giải quyết cho anh được ly hôn với chị O.

Về con chung: Anh và chị O có một con chung là cháu Lưu Gia N1, sinh ngày 17/6/2012, từ nhỏ đến nay được chị O trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh đề nghị tiếp tục giao con N1 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh và chị O không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Vì hoàn cảnh ở xa lại đang có dịch Covid nên

anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa sơ thẩm.

Theo bản tự khai đề ngày 20/01/2021 và trong quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn – chị Nguyễn Thị Lan O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị O xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như anh D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Từ tháng 11/2014 chị và anh D đã sống ly thân và chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở thị trấn D1 sinh sống, từ đó đến nay hai anh chị không còn quan tâm hỏi han đến nhau nữa. Nay anh D xin ly hôn, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với anh D. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T1 không tiến hành hòa giải và giải quyết cho chị được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Về con chung: Chị và anh D có một con chung là Lưu Gia N1, sinh ngày 17/6/2012. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn D1, huyện T1, tỉnh T, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Lưu Quốc D và chị Nguyễn Thị Lan O đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị O kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, quận B, thành phố H và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 121, quyển số 01 ngày 12/12/2008. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay không quan tâm hỏi han nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án chị O cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh D xin ly hôn chị cũng đồng ý và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì chị thấy vợ chồng không thể đoàn tụ với nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị O đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh D xin ly hôn cần xử cho anh D được ly hôn chị O là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và

gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Anh D và chị O đều xác định vợ chồng có một con chung là cháu Lưu Gia N1, sinh ngày 17/6/2012. Ly hôn chị O có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Gia N1 và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D cũng đồng ý với đề nghị của anh Oanh vì từ nhỏ cháu N1 đã được chị O nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của các đương sự trong vụ án cũng như cháu N1 có đơn xin ở với mẹ, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của cháu Lưu Gia N1, căn cứ vào các điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung Lưu Gia N1 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận đề nghị của chị O về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên đương sự có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh D và chị O đều xác nhận không có nợ chung và đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Anh D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh D và chị O có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lưu Quốc D được ly hôn chị Nguyễn Thị Lan O.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Lan O trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lưu Gia N1, sinh ngày 17/6/2012, chị O không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lưu Quốc D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ anh D đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001940 ngày 14/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T1 sang thi hành án phí, nghĩa vụ chịu án phí của anh D đã thực hiện xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện T1;
- VKSND tỉnh T;
- TAND tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND phường Z – quận B;
- Lưu HCTP
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đào Thị Xuân Quỳnh